TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST Ngày 16-7-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Bà Trần Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 13/7, đường H, Tổ 7, Khu phố 1, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 13/7, đường H, Tổ 7, Khu phố 1, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, quyển số 02/2011-2012 ngày 25/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) B, thị xã (nay là thành phố) T,

tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên bà P yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung là Nguyễn Quyên A, sinh ngày 26/6/1999 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 02/8/2006. Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 02/8/2006. Đối với con chung là Nguyễn Quyên A, sinh ngày 26/6/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Hồng P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Hồng P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Lê Thị Hồng P(bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của Nguyễn Quyên A và Nguyễn Thanh Tr (bản sao).

2. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227,

228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 19 tháng 02 năm 2019, bà Lê Thị Hồng P có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Thanh T. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Hồng P khởi kiện về việc ly hôn tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, quyển số 02/2011-2012 ngày 25/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà P và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà P xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên bà P quyết định ly hôn với ông T.

Việc bà P và ông T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn

đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt điều này chứng tỏ ông T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà P, ông T cư trú cho biết: Bà P và ông T là vợ chồng, quá trình chung sống không biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không.

Bà P xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2]. Về con chung: Qúa trình chung sống bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung là Nguyễn Quyên A, sinh ngày 26/6/1999 và Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 02/8/2006. Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 02/8/2006. Đối với con chung là Nguyễn Quyên A, sinh ngày 26/6/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai cháu Tr có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà P. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao cháu Nguyễn Thanh Tr cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà P về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

Đối với con chung là Nguyễn Quyên A, sinh ngày 26/6/1999 đã trưởng thành, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Hồng P phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 02/8/2006 cho bà Lê Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung là Nguyễn Quyên A, sinh ngày 26/6/1999 đã trưởng thành, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033726, ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Thị Minh Nga